

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO

**ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI
TỈNH YÊN BÁI**

Chuyên ngành: Kinh tế thế giới và Quan hệ KTQT

Mã số: 60 31 07

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS Nguyễn Xuân Thiên

Hà Nội, 2011

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO

**ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI
TỈNH YÊN BÁI**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

HÀ NỘI - 2011

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Những tác động tích cực và quan trọng của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đối với nền kinh tế Việt Nam trong hơn 20 năm qua là điều không thể phủ nhận. FDI đã đóng góp lượng vốn đáng kể trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Việt Nam theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, góp phần thúc đẩy, nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá, dịch vụ góp phần nâng cao năng lực xuất khẩu, tạo ra những cơ hội và ưu thế mới để tham gia có hiệu quả vào quá trình tự do hoá thương mại khu vực và toàn cầu.

Yên Bái là một tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam nằm sâu trong nội địa, cách xa Hà Nội, Hải Phòng, các cửa khẩu và các vùng trọng điểm phát triển kinh tế, ít có điều kiện thuận lợi để thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Yên Bái còn gặp nhiều khó khăn hơn các tỉnh vùng đồng bằng khi ngân sách địa phương mới chỉ đáp ứng được 20% - 30% nhu cầu chi thường xuyên còn lại do Trung ương hỗ trợ tính đến năm 2010. Dân số toàn tỉnh có 749.145 người nhưng có gần 50% là đồng bào các dân tộc thiểu số (trong đó: dân tộc Kinh 49,6%, Tày 18,6%, Dao 10,3%, H'Mông 8,9%, Thái 6,7%, các dân tộc khác: Mường, Nùng, Cao Lan, Khơ me, Phù Lá.... chiếm dưới 2% dân số), kinh tế chậm phát triển, trình độ dân trí thấp và không đồng đều. Vùng cao Yên Bái trải rộng trên 7 huyện với 70 xã chiếm 64,4% diện tích và 30,2% dân số toàn tỉnh. Phát triển kinh tế - xã hội vùng cao nói chung và Yên Bái nói riêng đòi hỏi phải có sự cố gắng nỗ lực rất lớn của địa phương và sự hỗ trợ của Nhà nước, của các tổ chức Quốc tế cả về đời sống, sản xuất, giải quyết việc làm, các vấn đề xã hội và xây dựng cơ sở hạ tầng.

Trước tình hình trên, Yên Bái đã và đang làm gì để đưa kinh tế của Tỉnh nhà đi lên? Trong hơn 20 năm thực hiện sự nghiệp đổi mới của đất nước, tỉnh Yên Bái đã đạt được những thành tựu quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Yên Bái đạt khá cao, GDP bình quân 9%/năm. Đời sống người dân được cải thiện đáng kể. Nguyên nhân chủ yếu của những thành tựu kinh tế - xã hội trên là nguồn lực, một nhân tố quyết định được khơi dậy nhờ các chính sách đổi mới đúng đắn, hợp lòng dân trên các mặt của đời sống kinh tế, xã hội của đất nước. Đồng thời, nguồn vốn hỗ trợ từ bên ngoài đặc biệt là nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã góp phần vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển lực lượng sản xuất, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động ở

địa phương. Một trong những kết quả quan trọng mà đầu tư trực tiếp nước ngoài đã đem lại là tỉnh Yên Bái tiếp nhận được các kỹ thuật công nghệ tiên tiến và kinh nghiệm quản lý trong một số ngành kinh tế. Đồng thời việc tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài phục vụ sản xuất hướng về xuất khẩu, đã tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp trong tỉnh tiếp cận và mở rộng thị trường quốc tế, nâng cao năng lực xuất khẩu của địa phương.

Tuy nhiên, vấn đề đặt ra cho tỉnh Yên Bái là *tại sao phải thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài và làm thế nào để tăng cường thu hút nguồn vốn này một cách có hiệu quả vào một tỉnh miền núi? Liệu các chính sách thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh đã thực sự thu hút nhà đầu tư chưa? Làm thế nào để Yên Bái là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư?* Đó là những vấn đề cần quan tâm đối với các cấp, các ngành ở tỉnh Yên Bái vì chỉ có thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài mới giúp phát triển kinh tế xã hội có hiệu quả, phù hợp với mục tiêu và định hướng phát triển của tỉnh nhà. Do vậy, việc nghiên cứu đề tài **“Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Yên Bái”** là hết sức cần thiết, không chỉ có ý nghĩa lý luận mà còn có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Yên Bái. Từ thực trạng đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh, những kết quả đạt được và những tồn tại, kinh nghiệm thu hút đầu tư FDI của các tỉnh khác, chúng ta mới có thể đề ra giải pháp và kiến nghị nhằm thúc đẩy thu hút FDI tại tỉnh nhà một cách có hiệu quả.

2. Tình hình nghiên cứu

Hiện nay, các vấn đề liên quan đến thu hút FDI đang được các học giả, các nhà nghiên cứu, nhà quản lý và các nhà hoạch định chính sách quan tâm. Nhiều công trình nghiên cứu về thu hút FDI đã được công bố và có giá trị thực tiễn cao.

❖ Về sách chuyên khảo, tham khảo có các công trình nghiên cứu tiêu biểu:

- *Lý thuyết thương mại và đầu tư quốc tế*, Bài giảng cao học Nguyễn Anh Minh (2001);

- *Kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế*, Lê Bộ Lĩnh (2005) nhà xuất bản Chính trị quốc gia;

- *Quan hệ kinh tế quốc tế*, Nguyễn Tuấn Anh (2006) nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

- *Đầu tư trực tiếp của các công ty xuyên quốc gia tại Việt Nam* của tác giả Đỗ Đức Bình năm 2006... Các cuốn sách này mới chỉ đề cập đến các lý thuyết giải thích sự hình thành FDI đứng trên góc độ quan hệ kinh tế quốc tế.

- *Đầu tư trực tiếp nước ngoài với phát triển khu công nghiệp* Lê Xuân Trinh (1998);

- *Đầu tư trực tiếp nước ngoài và phát triển kinh tế* của Võ Đại Lực, Lê Bộ Lĩnh (2000). Tác giả mới chỉ đề cập đến FDI trong khu công nghiệp, thời gian chỉ dừng lại ở 2000 khi mà luật đầu tư nước ngoài vẫn còn hiệu lực.

- *Thu hút đầu tư trực tiếp của các công ty xuyên quốc gia vào Việt Nam*, của tác giả Hoàng Thị Bích Loan, chủ biên (2008). Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. Tác giả cho ta thấy toàn cảnh bức tranh của TNCs trong dòng lưu chuyển vốn FDI toàn cầu, chiến lược đầu tư trực tiếp của các TNCs, thực trạng đầu tư trực tiếp của TNCs vào Việt Nam.

❖ Về giáo trình có các công trình nghiên cứu tiêu biểu:

- *Giáo trình Đầu tư nước ngoài* của tác giả Vũ Chí Lộc, xuất bản năm 1997

- *Giáo trình quản trị dự án và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tập 2*, Trường Đại học Kinh tế quốc dân. Bộ môn Kinh doanh quốc tế của Nguyễn Thị Hương, chủ biên (2004), Nhà xuất bản Thống kê. Tác giả khái luận chung về quản trị dự án FDI. Đại cương về quản trị doanh nghiệp có vốn FDI. Chuyển giao công nghệ qua các dự án FDI. Quản trị rủi ro trong hoạt động FDI. Quản trị soạn thảo dự án FDI. Quản trị thẩm định dự án FDI và triển khai dự án FDI giới thiệu những vấn đề chung về quản trị dự án và doanh nghiệp có vốn FDI, quản trị các giai đoạn của dự án FDI như quản trị soạn thảo dự án, quản trị thẩm định dự án, quản trị triển khai dự án;

- *Một số vấn đề mới về FDI tại Việt Nam* - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (1996) Đã nêu ra một số văn bản mới hướng dẫn hoàn thiện hệ thống pháp luật về đầu tư nước ngoài FDI tại Việt Nam. Phương hướng hoạt động của FDI trong thời gian tới.

- *Giáo trình Đầu tư Quốc tế* của tác giả Phùng Xuân Nhạ, xuất bản năm 2001.

Các giáo trình này đã và đang được giảng dạy về đầu tư trong các trường đại học có chuyên ngành kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, giáo trình này chủ yếu trình bày những vấn đề cơ bản nhất về đầu tư trực tiếp (FDI).

❖ Bên cạnh các giáo trình và sách còn có rất nhiều luận án Tiến sĩ, các bài báo nghiên cứu về lĩnh vực FDI vào Việt Nam như:

- Luận án tiến sĩ Đỗ Hoàng Long: *Tác động của toàn cầu hoá kinh tế đối với dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam*. Tác giả nghiên cứu tác động của toàn cầu hoá kinh tế đối với dòng FDI trên thế giới và dòng FDI vào Việt Nam. Nghiên cứu xu hướng vận động của dòng FDI toàn cầu và một số giải pháp đối với việc thu hút FDI vào Việt Nam.

- Luận án tiến sĩ Bùi Huy Nhượng (2005) *Một số biện pháp thúc đẩy việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam*. Tác giả

tập trung phân tích, đánh giá tình hình thực hiện các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam. Tìm những nguyên nhân về phía nhà nước đang cản trở hoạt động triển khai dự án FDI tại Việt Nam. Đề xuất biện pháp tháo gỡ khó khăn vướng mắc, nhằm thúc đẩy việc triển khai thực hiện dự án FDI tại Việt Nam.

❖ Các bài báo nghiên cứu về lĩnh vực FDI vào Việt Nam :

- *Ảnh hưởng của FDI và chuyển giao công nghệ đến phát triển công nghiệp và xuất khẩu của các nước khu vực Đông Á và Đông Nam Á*, Nguyễn Quang (2005) số 9, Tr.64-72, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế.

- *Tác động của FDI đối với sự phát triển kinh tế của Trung Quốc - Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam*. Nguyễn Xuân Thắng (2006) số 106, Tr.54-56, Tạp chí Kinh tế và phát triển.

- *Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp FDI*, Trần Xuân Hải (2006) số 2, Tr.13-15. Tạp chí Kinh tế và dự báo.

- *Những loại hình đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Khu vực Đông Á - Đông Nam Á và kinh nghiệm thu hút vốn FDI của một số quốc gia*. Trà Ngọc Phong (2004) số 85, Tr. 53-56, Tạp chí Kinh tế và phát triển...

Từ trước đến nay có nhiều luận án nghiên cứu thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam nhưng ở địa bàn tỉnh Yên Bái mới có một Luận án Tiến sĩ và một số bài báo liên quan đến FDI. Cụ thể:

- Luận án Tiến sĩ Nguyễn Văn Ngọc “*Chiến lược Marketing địa phương với việc thu hút đầu tư phát triển kinh tế xã hội tỉnh Yên Bái*” nêu ra các thực trạng trong việc Marketing địa phương thu hút đầu tư nước ngoài, các điểm mạnh điểm yếu của tỉnh Yên Bái trong việc thu hút và sử dụng nguồn vốn nước ngoài từ đó đề ra các chiến lược thu hút vốn đầu tư phát triển kinh tế xã hội tỉnh Yên Bái tuy nhiên chưa đề cập sâu đến vấn đề thu hút nguồn vốn FDI trên địa bàn tỉnh Yên Bái và mới chỉ dừng lại ở góc độ tiếp cận trên quan điểm marketing.

- *Báo cáo 20 năm Đầu tư nước ngoài tại Yên Bái (1988 - 2008)*. Báo cáo đánh giá đầu tư nước ngoài 20 năm tại Yên Bái, việc phân tích và đánh giá số mới chỉ dừng lại ở năm 2008.

- *Yên Bái tiềm năng và cơ hội đầu tư*, của Hoàng Thạch (2010) Tạp chí Tổng quan Kinh tế - Xã hội Việt Nam Số 1 - 2010 (Số 9), tác giả phân tích mặt mạnh mặt yếu trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tỉnh Yên Bái, đưa danh mục, các lĩnh vực, địa bàn kêu gọi đầu tư, các chính sách ưu đãi đối với nhà đầu tư.

- *Đẩy mạnh kinh tế đối ngoại và xúc tiến đầu tư: động lực đưa Yên Bái phát triển nhanh và bền vững*, Tạp chí Tổng quan Kinh tế - Xã hội Việt Nam Số 1 -

2010 (Số 9). Đã cho ta thấy được bức tranh tổng quan thu hút đầu tư nước ngoài tại tỉnh Yên Bái, phân tích thực trạng doanh nghiệp có vốn nước ngoài từ 2006 đến nay, đề ra các chiến lược thu hút nguồn vốn nước ngoài (ODA, NGO, FDI) vào tỉnh Yên Bái đến 2015.

- Các doanh nghiệp đến đầu tư vào các KCN Yên Bái sẽ được hưởng nhiều ưu đãi của tác giả Thạch Hoàng, Tạp chí Tổng quan Kinh tế - Xã hội Việt Nam Số 1 - 2010 (Số 9). Tác giả cho thấy tầm quan trọng hút đầu tư vào tỉnh Yên Bái nói chung, các khu công nghiệp (KCN) nói riêng là động lực quan trọng để đưa kinh tế của tỉnh ngày một phát triển. Xác định được tầm quan trọng đó, Yên Bái đã ban hành cơ chế chính sách thông thoáng, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đến đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn.

Tóm lại: Với mục đích khác nhau, những công trình ở trên nghiên cứu những vấn đề liên quan về đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Yên Bái ở những góc độ khác nhau. Do vậy, chưa có một đề tài nào nghiên cứu một cách trực tiếp đầy đủ và hệ thống về đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Yên Bái từ 2001 đến nay. Vì vậy, tác giả chọn đề tài ***“Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Yên Bái”*** làm luận văn Thạc sỹ.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1 Mục đích nghiên cứu:

- Từ phân tích thực trạng đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh Yên Bái giai đoạn 2001- 2010, chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân tồn tại của thu hút FDI vào tỉnh Yên Bái.

- Đề xuất những giải pháp và kiến nghị nhằm tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Yên Bái trong thời gian tới.

3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu:

Để thực hiện mục đích nghiên cứu trên tác giả đề ra nhiệm vụ nghiên cứu của Luận văn là:

- Khái quát một số lý luận cơ bản liên quan đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Yên Bái.

- Phân tích đánh giá thực trạng đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh Yên Bái giai đoạn 2001 đến nay.

- Nghiên cứu cơ sở khoa học để đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Yên Bái trong thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1 Đối tượng nghiên cứu:

Nghiên cứu đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Yên Bái giai đoạn 2001 đến

nay, trong đó tập trung vào nghiên cứu thực trạng thu hút FDI qua quy mô Fdi của từng năm và giai đoạn, sự chuyển biến trong cơ cấu FDI và ảnh hưởng của chính sách thu hút FDI của tỉnh đến triển khai FDI đặt trong bối cảnh thu hút FDI chung của cả nước.

4.2 Phạm vi nghiên cứu:

- Về mặt nội dung: Thực trạng thu hút FDI vào ngành, lĩnh vực, định hướng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với tỉnh Yên Bái.

- Về thời gian: từ năm 2001 đến nay (năm 2001 là năm đầu của mốc KH 5 năm giai đoạn 2001-2005 và năm mà Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam còn hiệu lực (Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam hết hiệu lực tháng 6/2006) và giai đoạn 2006 đến nay khi Luật đầu tư ra đời năm 2005.

5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử và phương pháp hệ thống: Việc nghiên cứu tình hình thu hút và hoạt động FDI tại Yên Bái được thực hiện đồng bộ, gắn với hoàn cảnh, điều kiện vào các giai đoạn cụ thể và kế thừa các công trình nghiên cứu trước đây.

Phương pháp thống kê: tác giả sử dụng các số liệu thống kê thích hợp để phục vụ cho quá trình phân tích thực trạng hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Yên Bái từ đó đưa ra các giải pháp nhằm đẩy mạnh thu hút và nâng cao hiệu quả kinh doanh của vốn FDI.

Phương pháp phân tích tổng hợp: Trên cơ sở phân tích tình hình thực trạng thu hút FDI tại Yên Bái, tác giả đưa ra các đánh giá chung có tính chất khái quát về mặt được, những hạn chế của hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Yên Bái.

Phương pháp so sánh, đối chiếu: tác giả sử dụng phương pháp so sánh - đối chiếu để so sánh kinh nghiệm của ba tỉnh Bắc Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh và Bình Dương trong việc thu hút FDI. Từ đó, tác giả rút ra một số bài học kinh nghiệm cho tỉnh Yên Bái.

Ngoài ra, tác giả còn sử dụng phương pháp phân tích SWOT để đánh giá điểm mạnh điểm yếu và cơ hội thách thức đối tỉnh Yên Bái trong việc thu hút FDI.

6. Những đóng góp mới của luận văn.

- Phân tích làm rõ thực trạng đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh Yên Bái giai đoạn 2001 đến nay;
- Đánh giá các yếu tố tác động đến thu hút FDI vào tỉnh Yên Bái chỉ ra những nhân tố thuận lợi, khó khăn, những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức;

- Đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Yên Bái trong thời gian tới.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài lời mở đầu, kết luận, phụ lục tham khảo, danh mục viết tắt, bảng biểu luận văn bao gồm 3 chương như sau:

- Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn vai trò của đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Yên Bái
- Chương 2: Thực trạng đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh Yên Bái giai đoạn 2001- đến nay.
- Chương 3: Giải pháp tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Yên Bái trong thời gian tới.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VAI TRÒ CỦA ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH YÊN BÁI

1.1 Lý luận chung về đầu tư trực tiếp nước ngoài

1.1.1 Khái niệm, đặc điểm, phân loại đầu tư trực tiếp nước ngoài.

1.1.1.1 Khái niệm

Hiện nay đã có khá nhiều cách hiểu khác nhau về FDI, chẳng hạn:

Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF) đưa ra khái niệm FDI là một công cuộc đầu tư ra khỏi biên giới quốc gia, trong đó người đầu tư trực tiếp đạt được một phần hay toàn bộ quyền sở hữu lâu dài một doanh nghiệp FDI trong một quốc gia khác. *Quyền sở hữu này tối thiểu phải là 10% tổng số cổ phiếu mới được công nhận FDI.*

Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đưa ra định nghĩa như sau về FDI: FDI xảy ra khi một nhà đầu tư từ một nước (nước chủ đầu tư) có được một tài sản ở một nước khác (nước thu hút đầu tư) cùng với quyền quản lý tài sản đó. Phương diện quản lý là thứ để phân biệt FDI với các công cụ tài chính khác. Trong phần lớn trường hợp, cả nhà đầu tư lẫn tài sản mà người đó quản lý ở nước ngoài là các cơ sở kinh doanh. Trong những trường hợp đó, nhà đầu tư thường hay được gọi là "công ty mẹ" và các tài sản được gọi là "công ty con" hay "chi nhánh công ty".

Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (Organization for Economic Cooperation and Development - OECD) đưa ra khái niệm: FDI phản ánh những lợi ích khách quan lâu dài mà một thực thể kinh tế tại một nước (nhà đầu tư) đạt được thông qua một cơ sở kinh tế tại một nền kinh tế khác với nền kinh tế thuộc đất nước của nhà đầu tư (doanh nghiệp đầu tư trực tiếp). Đầu tư trực tiếp bao hàm sự giao dịch ngay từ đầu và tất cả những giao dịch vốn tiếp sau giữa hai thực thể được liên kết một cách chặt chẽ.

Quan điểm về FDI của Việt Nam theo quy định tại Điều 3 Luật đầu tư năm 2005:

“Đầu tư trực tiếp nước ngoài là việc nhà đầu tư nước ngoài đưa vào Việt Nam vốn bằng tiền và các tài sản hợp pháp khác để tiến hành hoạt động đầu tư và tham gia quản lý hoạt động đầu tư” [9, Tr 15].

Tóm lại: các khái niệm khác nhau về FDI, tác giả nhận thấy FDI là hình thức đầu tư quốc tế, cho phép các nhà đầu tư tham gia điều hành hoạt động đầu tư

ở nước tiếp nhận đầu tư tùy theo mức góp vốn của nhà đầu tư. Trong đầu tư trực tiếp nước ngoài, quyền sở hữu gắn liền với quyền sử dụng tài sản đầu tư.

1.1.1.2 Đặc điểm cơ bản của hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài:

Đầu tư trực tiếp nước ngoài là một loại hình của hoạt động đầu tư, do đó nó mang những đặc điểm của hoạt động đầu tư nói chung. Ngoài các đặc điểm cơ bản của hoạt động đầu tư nói chung, hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài có các đặc điểm mang tính đặc thù khác với đầu tư gián tiếp nước ngoài như sau:

FDI mang tính lâu dài; FDI có sự tham gia quản lý của các nhà đầu tư nước ngoài; Hầu hết các dự án FDI đều gắn liền với hoạt động thương mại, chuyển giao công nghệ, di cư lao động quốc tế; FDI là hình thức kéo dài “chu kỳ tuổi thọ sản xuất”, “chu kỳ tuổi thọ kỹ thuật” và “nội bộ hoá di chuyển kỹ thuật”; Tính đa quốc tịch của các bên trong dự án FDI; Dự án FDI chịu sự chi phối đồng thời của nhiều hệ thống pháp luật

1.1.1.3. Phân loại hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài

Qua nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển của đầu tư trực tiếp nước ngoài qua các thời kỳ có thể nhận thấy *bản chất của đầu tư trực tiếp nước ngoài là nhằm mục đích tối đa hoá lợi ích đầu tư hay tìm kiếm lợi nhuận* ở nước tiếp nhận đầu tư thông qua di chuyển vốn (bằng tiền và tài sản, công nghệ và trình độ quản lý của nhà đầu tư nước ngoài) từ nước đi đầu tư đến nước tiếp nhận đầu tư. Đây là một trong những đặc điểm cơ bản nhất và là nguyên nhân sâu xa dẫn đến việc hình thành hoạt động FDI giữa các quốc gia.

➤ Xét theo mục đích của đầu tư trực tiếp nước ngoài

Theo Hội nghị về thương mại và phát triển của Liên hiệp quốc (UNCTAD), FDI trong giai đoạn này bao gồm các hình chủ yếu sau: *Tìm kiếm tài nguyên và lao động rẻ; Tìm kiếm thị trường; FDI tìm kiếm hiệu quả kinh doanh; Tìm kiếm tài sản chiến lược:*

➤ Xét theo kênh đầu tư, FDI được chia thành đầu tư mới (GI) và mua lại & sáp nhập

➤ Xét theo mục đích đầu tư, FDI được chia làm 2 hình thức: FDI hàng ngang (Horizontal FDI); FDI hàng dọc (Vertical FDI): Đây

➤ Xét theo tiêu chí vốn và quản lý hoạt động, FDI được chia thành:

Hình thức liên doanh

Hình thức hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng:

Hình thức 100 % vốn nước ngoài

Gần đây còn có các hình thức BOT, BT...

1.1.2 Nguyên nhân hình thành đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Từ trước đến nay có rất nhiều nhà kinh tế học lý giải nguyên nhân hình thành FDI tuy nhiên chỉ tập trung ở hai nhóm:

1.12.1 Lý thuyết.

➤ Nhóm lý thuyết kinh tế vĩ mô:

Các lý thuyết kinh tế vĩ mô dựa trên mô hình cổ điển 2x2 (hai nước, hai hàng hóa, hai yếu tố sản xuất); *Lý thuyết thương mại quốc tế của Heckcher - Ohlin - Samuelson* (hay còn gọi là mô hình HOS): Mô hình này còn được gọi là lý thuyết các yếu tố sản xuất (Dominick Salvatore, 1993). *Lý thuyết của Macdougall-Kemp* (hay còn gọi là mô hình Macdougall-Kemp).

Qua một số lý thuyết kinh tế vĩ mô về FDI trên đây cho thấy: Các lý thuyết đã chỉ ra nguyên nhân xuất hiện đầu tư nước ngoài là do có sự chênh lệch về hiệu quả sử dụng vốn đầu tư giữa các nước. Các lý thuyết đều dựa trên cơ sở lý thuyết phân công lao động quốc tế, phù hợp với nguyên tắc chung của lý thuyết thương mại và di chuyển các nguồn lực sản xuất quốc tế nhưng là sự phát triển lý thuyết thương mại quốc tế trong điều kiện có sự di chuyển vốn đầu tư, bởi vì lý thuyết thương mại dựa trên nguyên tắc tỷ lệ chi phí trong khi các lý thuyết trên căn cứ vào chênh lệch tỷ suất lợi nhuận.

➤ Nhóm lý thuyết kinh tế vi mô

Cùng với sự phát triển của các lý thuyết kinh tế vĩ mô, nhiều quan điểm lý thuyết kinh tế vi mô cũng đã nghiên cứu về FDI. *Các lý thuyết tổ chức công nghiệp (Industrial organisation theories)* ra đời vào đầu những năm 1960; *Lý thuyết chu kỳ sản phẩm của Vernon* đưa ra năm 1966; *Lý thuyết chu kỳ sản phẩm, Akamatsu (1969)* *Lý thuyết lợi thế độc quyền về FDI: Lý thuyết quốc tế hóa sản xuất (Rugman và Buckley)*

Nhìn chung, các lý thuyết kinh tế vi mô về FDI trên đây đã giải thích nguyên nhân hình thành và ảnh hưởng của FDI đối với nền kinh tế thế giới và mỗi quốc gia tham gia đầu tư, nhất là các nước ĐPT. Các lý thuyết nghiên cứu từ việc phân tích một công ty, một hàng hóa cụ thể như là kết quả tự nhiên của quá trình khai thác các lợi thế độc quyền ở nước ngoài để tối đa hóa lợi nhuận trên phạm vi toàn cầu cũng như giải thích sự hình thành TNCs và tại sao các công ty lại đầu tư ra nước ngoài, tác động của TNCs đối với nước nhận đầu tư, chủ yếu là các nước ĐPT. Vì thế nó mang tính khái quát cao, chặt chẽ và gần thực tiễn hơn. Song, lý thuyết kinh tế vi mô về FDI cũng chưa phản ánh hết những nguyên nhân thực tế khác góp phần vào việc hình thành FDI như sự phát triển của khoa học công nghệ, chính sách phát triển kinh tế, môi trường đầu tư...

Học thuyết kinh tế Mác - Lênin: Theo quan điểm lý thuyết xuất khẩu tư bản, Người chỉ rõ, điểm điển hình của chủ nghĩa tư bản cũ, trong đó có sự tự do cạnh tranh hoàn toàn thống trị, là việc xuất khẩu hàng hoá; điểm điển hình của chủ nghĩa tư bản mới, trong đó các tổ chức độc quyền thống trị là việc xuất khẩu tư bản. Khi đạt đến trình độ phát triển cao của tư bản tài chính, lúc này xuất hiện "tư bản thừa", để thu được lợi nhuận cao trong điều kiện tỷ suất lợi nhuận nếu đầu tư ở trong nước thấp, các nước tư bản sẽ chuyển nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài để có tỷ suất lợi nhuận cao hơn. Phát triển quan điểm lý thuyết trên, các nhà kinh tế mácxít cho rằng các công ty tư bản độc quyền (ngành chế tạo) đầu tư sang các nước ĐPT để khai thác nguồn lao động rẻ và tài nguyên thiên nhiên phong phú. Đó là nguyên nhân hình thành FDI. Như vậy, học thuyết kinh tế Mác - Lênin về xuất khẩu tư bản cung cấp những cơ sở khoa học để hiểu rõ về bản chất của đầu tư nước ngoài.

1.1.2.2 Thực tiễn.

Mục đích của các nhà đầu tư nước ngoài hay của các TNCs đều là tối đa hóa lợi nhuận do vậy họ sẽ đi đầu tư tại các nước để: Tiếp cận thị trường và giảm xung đột thương mại; Khai thác chuyên gia và công nghệ; Tiếp cận nguồn tài nguyên thiên nhiên hay nói cách khác để giảm chi phí đầu vào

1.1.2.3 Xu hướng FDI trên thế giới

Đầu tư trực tiếp nước ngoài đang ngày càng đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng và phát triển nền kinh tế thế giới, cả với nhận đầu tư và nước đầu tư. Cũng như sự phát triển của nền kinh tế thế giới, sự vận động của dòng vốn FDI chịu tác động của rất nhiều nhân tố khác nhau như: kinh tế, kỹ thuật, chính trị, xã hội và các nhân tố tự nhiên khác. Cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ năm 2008 và xu hướng quốc tế hoá đời sống kinh tế thế giới đã khiến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài có nhiều biến đổi sâu sắc. Trong những năm gần đây, FDI ngày càng được mở rộng và tăng lên cả về quy mô, hình thức, thị trường, lĩnh vực đầu tư, đồng thời thể hiện vị trí, vai trò ngày càng to lớn trong quan hệ kinh tế quốc tế. Sự vận động của FDI đang thay đổi đáng kể theo những xu hướng sau:

Xu hướng FDI theo cơ cấu; Xu hướng FDI của các TNCs; Xu hướng FDI theo vùng; Xu hướng FDI vào Châu Á; Xu hướng FDI vào Châu Phi; Xu hướng FDI vào Châu Mỹ Latinh và Caribe; Xu hướng FDI vào Nam - Đông Âu và các nước có nền kinh tế chuyển đổi; Xu hướng FDI trong lĩnh vực nông nghiệp; Xu hướng FDI giữa các nước Nam - Nam

Tóm lại: Xu thế FDI trên thế giới trải qua nhiều xu hướng phát triển, ngoài các hình thức đầu tư quốc tế như: Đầu tư truyền thống (các nước phát triển đầu tư

vào các nước đang phát triển hoặc đầu tư có tính một chiều); Đầu tư lẫn nhau giữa các nước phát triển. Xu hướng chung của đầu tư FDI ngày nay là sự đan xen nhau giữa các xu hướng trên. Tuy nhiên, xu hướng đầu tư lẫn nhau giữa các nước đang phát triển ngày càng gia tăng. Xu hướng này phản ánh tốc độ hòa nhập nhanh của các nước đang phát triển vào quá trình toàn cầu hóa. Điểm nổi bật là xu hướng tự do hóa đầu tư ngày càng mạnh giữa các nước, khu vực và thế giới. Các qui chế về FDI của các nước thay đổi nhanh trong thập kỷ qua từ bảo hộ đến hạn chế, kiểm soát và chuyển sang tự do hóa FDI trong phạm vi từng nhóm nước, khu vực.

1.2 Những nhân tố tác động đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Yên Bái.

Những nhân tố tác động đến thu hút FDI của một tỉnh có rất nhiều yếu tố tuy nhiên chỉ tập trung chủ yếu tố mang tính chất Quốc tế, yếu tố mang tính chất Quốc gia, bên cạnh đó còn có yếu tố nội tại của tỉnh thu hút

1.2.1 Những nhân tố mang tính chất Quốc tế và Quốc gia

1.2.1.1 Những nhân tố mang tính chất Quốc tế: Xu hướng tự do hoá thương mại và đầu tư quốc tế; Cách mạng khoa học và công nghệ thúc đẩy đầu tư quốc tế; Vai trò của các công ty xuyên quốc gia (TNCs)

1.2.1.2 Những nhân tố mang tính chất Quốc gia

Sự ổn định về kinh tế - chính trị; Môi trường luật pháp thuận lợi; Phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật; Các chính sách kinh tế; Các thủ tục hành chính và hiệu quả quản lý của nhà nước về FDI

Tóm lại, FDI sẽ tìm đến những quốc gia có nền kinh tế - chính trị- xã hội ổn định; hệ thống pháp luật đầu tư đầy đủ và đồng bộ, cởi mở, tin cậy và mang tính chuẩn mực quốc tế cao; thủ tục hành chính không rườm rà, chính sách đầu tư linh hoạt và đủ sức hấp dẫn, cơ sở hạ tầng tốt, lao động có trình độ và rẻ, các dự án kinh doanh có hiệu quả...

1.2.2 Những nhân tố nội tại của tỉnh Yên Bái

1.2.2.1 Điều kiện tự nhiên

1.2.2.2 Điều kiện kinh tế - xã hội:

1.2.2.3 Điều kiện về kỹ thuật - xã hội

1.2.2.4 Điều kiện về môi trường pháp lý.

1.2.2.5 Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của tỉnh Yên Bái

Phân tích điểm mạnh của tỉnh Yên Bái:

Điểm yếu của tỉnh Yên Bái

Cơ hội đối với tỉnh Yên Bái.

Thách thức đối với tỉnh Yên Bái:

Qua những đặc điểm về tình hình tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh cho thấy Yên Bái còn gặp nhiều khó khăn về đời sống kinh tế xã hội. Mặc dù vậy Yên Bái còn tiềm ẩn nhiều tiềm năng chưa được khai thác. Xuất phát điểm thấp cùng với những khó khăn cản trở đã đặt ra cho tỉnh bài toán rất nan giải trong công cuộc phát triển kinh tế xã hội. Để đẩy mạnh quá trình CNH, HĐH, Yên Bái cần thiết phải có nguồn vốn đầu tư khá lớn để khắc phục tình trạng khó khăn và phát huy tiềm năng thế mạnh vốn có của tỉnh. Từ đó hòa nhập vào tiến trình phát triển chung của cả nước. Trong điều kiện kinh tế còn nghèo, vốn tích lũy từ địa phương chỉ đáp ứng được 20-30% nhu cầu chi tiêu hàng năm của tỉnh. Nguồn vốn ngân sách nhà nước cũng không đáp ứng được nhu cầu về đầu tư. Trước hoàn cảnh đó, vốn đầu tư FDI sẽ là một nguồn lực rất quan trọng góp phần đáp ứng nhu cầu đầu tư của địa phương.

1.3 Kinh nghiệm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của một số địa phương.

Thu hút đầu tư là xu hướng chuyển đổi cơ cấu kinh tế, hướng tới nền kinh tế phát triển không chỉ của các nước đang phát triển mà còn là của cả các nước phát triển. Đây là quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế nông nghiệp sang công nghiệp dựa chủ yếu vào tài nguyên thiên nhiên và sức lao động để sản xuất của cải vật chất sang phương thức dựa vào trí thức và công nghệ cao trong đó công nghệ thông tin đóng vai trò quan trọng.

1.3.1 Kinh nghiệm của tỉnh Bình Dương

Về thu hút FDI: Tính đến nay, toàn tỉnh có 1.850 dự án đầu tư nước ngoài với tổng số vốn đầu tư là 12, 934 tỷ USD. Năm 2009 tỉnh thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài vốn đầu tư tăng thêm 2,468 tỷ USD gồm: 99 dự án đầu tư mới - vốn đầu tư 2,022 tỷ USD (trong đó, dự án khu nhà ở thương mại, nhà ở xã hội Phú Hưng Long có vốn đầu tư là 1,7 tỷ USD, chiếm 84%) và 125 lượt dự án bổ sung vốn - vốn đầu tư bổ sung là 0,45 tỷ USD. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2009 đạt 9 tỷ USD, giảm 10,4% so với cùng kỳ năm 2008.

Trong số 40 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có các dự án được cấp phép mới năm 2009, Bình Dương 2145,3 triệu USD, chiếm 14,6%. Để đạt được như vậy tỉnh Bình Dương đã đề ra các giải pháp nhằm thu hút FDI hiệu quả như: công tác cải cách thủ tục hành chính đạt kết quả tốt, kịp thời tháo gỡ các khó khăn vướng mắc của các dự án đang hoạt động, đảm bảo thực hiện dự án đúng tiến độ đề ra và đạt hiệu quả. Làm tốt công tác xúc tiến đầu tư và kêu gọi các dự án đầu tư, đầu tư trực tiếp nước ngoài. Bên cạnh việc tăng cường công tác xúc tiến kêu gọi đầu tư ở trong và ngoài nước, Bình Dương cũng đảm bảo cân đối nguồn vốn ngân sách cho đầu tư và đẩy nhanh tiến độ xây dựng, giải ngân vốn đầu tư các dự án,

công trình trọng điểm về giao thông, cấp nước, thoát nước, điện và viễn thông... Tỉnh tập trung vào việc xây dựng kết cấu cơ sở hạ tầng, tỉnh yêu cầu các khu công nghiệp đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng kỹ thuật sẵn sàng tiếp nhận các dự án đầu tư; tiếp tục hoàn thiện công tác cải cách thủ tục hành chính nhất là trong các lĩnh vực như giao và cho thuê đất, xây dựng, hải quan, thuế, cho vay vốn ưu đãi. Ngoài ra tỉnh còn có chính sách thu hút nhân tài và nguồn nhân lực có chất lượng cao về tỉnh, bên cạnh đó tỉnh còn tập trung phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ đã tạo tiền đề cho các nhà đầu tư yên tâm sản xuất và đi vào hoạt động.

1.3.2 Kinh nghiệm của thành phố Hồ Chí Minh

Giai đoạn 2000 - 2005, thành phố thu hút được 1.291 dự án với tổng vốn 2.572 triệu USD. Nhưng đến năm 2006 tổng vốn FDI tăng đột biến 1.627 triệu USD với 283 dự án. Xu thế tăng nhanh của dòng FDI vào thành phố tiếp tục xảy ra trong năm 2007 với tổng vốn đạt mức kỷ lục 2.500 triệu USD tăng 11,9% so với năm 2006, chiếm 22% vốn FDI thu hút cả nước.

Giai đoạn 2006 - 9/2010 thu hút được 1.296 dự án với tổng vốn 14.533 triệu USD gấp 2 lần so với giai đoạn 2000 - 2005. Đến nay, trên địa bàn Thành phố đã có 3.464 dự án đầu tư nước ngoài còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư đăng ký là 29.102 triệu USD. Thành phố Hồ Chí Minh có được thành tựu thu hút FDI như vậy là do thành phố có những lợi thế về vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng và môi trường kinh doanh cùng với sự quan tâm của lãnh đạo trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài nên đã sớm thu hút được nguồn vốn FDI so với địa phương khác trong cả nước. Công tác xúc tiến đầu tư được triển khai tích cực ở các cấp, các ngành không chỉ trong nước mà còn ở cả nước ngoài dưới nhiều hình thức khác nhau. Thành phố đã đánh giá nghiêm túc hiệu quả thu hút FDI cũng như đánh giá khả năng, mức độ doanh nghiệp Việt Nam tiếp thu công nghệ cao và năng lực quản lý chuyên nghiệp của các công ty TNCs. Rà soát, thực hiện tốt hơn nữa các thủ tục hành chính nhằm rút ngắn thời gian cho các nhà đầu tư. Tìm cách khắc phục những tồn tại không đáng có để đẩy nhanh quá trình giải ngân vốn FDI. Nhanh chóng nâng cấp kết cấu hạ tầng và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao...

Chủ trương của thành phố sẽ ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng; đầu tư phát triển hạ tầng giao thông đô thị; xây dựng phát triển các khu đô thị mới hiện đại, các ngành sản xuất có giá trị gia tăng cao..Thành phố sẽ nhanh chóng hoàn chỉnh quy hoạch đất đai, thống kê quỹ đất trống với thông số cụ thể về hệ số sử dụng đất, mật độ xây dựng, chỉ tiêu về quy hoạch, hình thức đầu tư để công bố rộng rãi phục vụ cho các nhà đầu tư; giải quyết các vấn đề về kết cấu hạ tầng tạo điều kiện tốt nhất cho các nhà đầu tư...

1.3.3 Kinh nghiệm của tỉnh Bắc Ninh

Năm 2009 đã có 71 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký 507 triệu USD, các dự án này chủ yếu tập trung vào công nghiệp chế biến. Hàng năm các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tạo ra 24,1% giá trị toàn ngành công nghiệp, đóng góp 5,5% GDP cho tỉnh để đạt được kết quả như vậy do: Tỉnh Bắc Ninh đã thực hiện nhất quán đường lối phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra, tỉnh đã chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng quan hệ với các nước, phát huy nội lực và thúc đẩy thu hút đầu tư gắn với việc hoàn chỉnh chính hệ thống pháp luật, chính sách của tỉnh, thực hiện đầy đủ cam kết quốc tế... từ đó đã củng cố và làm gia tăng mạnh mẽ lòng tin của các nhà đầu tư. Sự ổn định về mặt chính trị - xã hội, hệ thống pháp luật và các chính sách về đầu tư nước ngoài được hoàn chỉnh và ngày càng hoàn thiện hơn trong khuôn khổ pháp lý rõ ràng, các chính sách ngày càng minh bạch và thông thoáng hơn đã tạo tiền đề cho hoạt động và thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đến đầu tư. Hoạt động xúc tiến đầu tư được triển khai tích cực ở các cấp, các ngành không chỉ trong nước mà còn ở cả nước ngoài dưới nhiều hình thức khác nhau.

Rõ ràng, sự phát triển của ba tỉnh trên trong những năm gần đây đã cho thấy không phải do cơ chế, chính sách riêng mà do ba tỉnh đã vận dụng linh hoạt chủ chương, chính sách của Đảng và nhà nước, cụ thể hóa thêm sao cho phù hợp với điều kiện tỉnh mình. Những kinh nghiệm quý báu mà ba tỉnh đã và đang thực hiện là một bài học cho các tỉnh trong cả nước nói chung và tỉnh Yên Bái nói riêng để tham khảo và học hỏi trong quá trình phát triển kinh tế xã hội và kêu gọi thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Qua kinh nghiệm của các tỉnh trong nước, Yên Bái có thể vận dụng linh hoạt những kinh nghiệm và áp dụng sao cho phù hợp với điều kiện của tỉnh miền núi, từ đó phát huy triệt để tiềm năng thế mạnh của tỉnh mình.

Chương 2

THỰC TRẠNG THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI YÊN BÁI TỪ NĂM 2001 ĐẾN NAY.

2.2 Khái quát tình hình thu hút vốn FDI tại Việt Nam

Sau hai mươi năm qua kể từ khi ban hành Luật đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam, hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài ở nước ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần tích cực vào việc thực hiện những mục tiêu kinh tế - xã hội, vào thắng lợi của công cuộc đổi mới, đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế, tăng cường thế và lực của Việt Nam trên trường quốc tế. Đầu tư trực tiếp nước ngoài đã và đang trở thành một trong những nguồn vốn quan trọng cho đầu tư phát triển, có tác dụng thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH; mở ra nhiều ngành nghề sản phẩm mới; nâng cao năng lực quản lý và trình độ công nghệ, mở rộng thị trường xuất khẩu; tạo thêm nhiều việc làm mới, góp phần mở rộng quan hệ đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế thế giới.

Đến 31/12/2010, cả nước có 12.895 dự án FDI (trong đó 11.959 dự án còn hiệu lực; hết hạn 50 dự án; giải thể 1.673 dự án) với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 196,60 tỷ USD (kể cả vốn tăng thêm). Nhìn chung các dự án FDI vào Việt Nam đều có qui mô vừa và nhỏ, trung bình cho cả giai đoạn 1988-2010 chỉ ở mức 16,6 triệu USD/dự án. Cơ cấu đầu tư FDI theo ngành tính đến 12/2010 cho thấy các dự án FDI thuộc lĩnh vực công nghiệp chiếm tới 60% tổng số dự án, 47% tổng vốn đăng ký. Nông nghiệp là ngành thu hút được ít nhất dự án FDI, kể cả số dự án chiếm 4%, số vốn đăng ký chiếm 2% và vốn thực hiện.

Thời kỳ từ 1988 - 1998, thì liên doanh là hình thức đầu tư phổ biến của đầu tư trực tiếp nước ngoài. Hình thức này chiếm tới khoảng 61% số dự án và 70% vốn đăng ký. Tuy nhiên theo thời gian thì hình thức này có xu hướng giảm xuống, hình thức 100% vốn nước ngoài tăng bên cạnh đó xuất hiện các hình thức đầu tư mới như hợp đồng BOT, BT, BTO và công ty mẹ con... Tháng 12/2010, hình thức liên doanh giảm xuống còn chiếm 18% tổng vốn đăng ký, trong khi hình thức dự án có 100% vốn nước ngoài chiếm 78%, còn lại là dự án BOT và hợp đồng hợp tác kinh doanh. Trong các dự án liên doanh, số dự án liên doanh giữa nhà đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp ngoài nhà nước cũng tăng lên đáng kể. Đến nay đã có trên 92 nước và vùng lãnh thổ có dự án FDI tại Việt Nam. FDI đã có mặt ở 64/65 tỉnh, thành phố của Việt Nam.

Tóm lại: Cùng với sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng của đất nước luồng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đổ vào Việt Nam cũng tăng lên nhanh chóng. Tính từ

khi ban hành luật đầu tư nước ngoài 1988 đến hết 2010 tổng số vốn FDI đăng ký vào Việt Nam đạt khoảng gần 196,6 tỷ USD và với trên 78,3 tỷ USD vốn thực hiện. Nếu tính theo vốn FDI/người thì Việt nam dẫn đầu các nước hiện nay.

2.2 Chính sách thu hút FDI của Yên Bái

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư vào khai thác tiềm năng thế mạnh của tỉnh, ngoài những cơ chế chính sách chung của nhà nước, tỉnh Yên Bái đã ban hành chính sách thu hút đầu tư trên địa bàn, với những nội dung chủ yếu như thể tại Quyết định 1322/2007/QĐ-UBND ngày 04/9/2007 quy định về chính sách thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Yên Bái

2.3 Phân tích thực trạng đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Yên Bái

Trong mười năm (2001 - 2010) tiếp nhận vốn đầu tư nước ngoài, hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Yên Bái được đẩy mạnh. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 15 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động, với tổng vốn FDI đăng ký đầu tư đạt 42,105 triệu USD tương đương 808,416 tỷ VND. Hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Yên Bái chỉ tập chung trong các lĩnh vực chế biến nông, lâm sản, khoáng sản, khai thác chì, kẽm, lĩnh vực du lịch ... với công nghệ chuyển giao ở mức độ trung bình. Trong giai đoạn (2001 - 2010), toàn tỉnh có 20 dự án FDI được cấp phép hoạt động, trong đó có 15 dự án còn hiệu lực với tổng số vốn đăng ký đạt 42,105 triệu USD tương đương 808,416 tỷ VND và 5 hết hiệu lực bị thu hồi giấy phép đầu tư với tổng số vốn 7,995 triệu USD.

2.3.1 Quy mô và xu hướng dòng vốn FDI vào tỉnh Yên Bái.

2.3.1.1 Quy mô

Nhìn chung, các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Yên Bái đều có quy mô vốn vừa và nhỏ, trung bình chỉ ở mức 3,5 triệu USD/dự án (khá nhỏ so với mức bình quân của cả nước 16,6 triệu USD/dự án). Dự án có mức vốn đầu tư đăng ký nhỏ nhất Công ty TNHH Ích Thành - Đài Loan với số vốn 0,55 triệu USD và dự án lớn nhất là Công ty TNHH đá cẩm thạch RK Việt Nam - Ấn Độ với số vốn 8,5 triệu USD.

Tình hình cấp giấy phép đầu tư: Giai đoạn 1996 - 2000 tỉnh Yên Bái cấp giấy phép cho 03 doanh nghiệp với tổng số vốn đăng ký đạt 3,7 triệu USD

Bước sang giai đoạn từ 2001- 2005 tỉnh có 3 dự án FDI được cấp phép hoạt động, với tổng số vốn đăng ký đạt 3,7 triệu USD. Từ năm 2005- 2010 tỉnh cấp 17 dự án

Tình hình đăng ký lại Giấy chứng nhận đầu tư: Trong tổng số 15 doanh nghiệp, có 6 doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép đầu tư trước ngày 01/7/2006 và thuộc diện đăng ký lại, chuyển đổi và đăng ký đổi Giấy chứng nhận đầu tư theo

Nghị định 101/2006/NĐ-CP. Kết quả thực hiện cho thấy, tính đến ngày 31/12/2010 đã có 3 doanh nghiệp đăng ký lại để hoạt động theo Luật doanh nghiệp và Luật đầu tư

2.3.1.2 Xu hướng, đặc điểm

Xu hướng FDI và đặc điểm FDI vào tỉnh Yên Bái: Các dự án đầu trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Yên Bái chủ yếu tập chung trong các lĩnh vực công nghiệp chế biến chiếm 60% vốn đầu tư đăng ký, nông, ngư nghiệp chiếm 40% vốn đầu tư đăng ký. Công nghệ chuyển giao qua các dự án FDI của Yên Bái cũng không có gì nổi bật. Các công nghệ này chủ yếu là loại công nghệ trung bình được chuyển giao từ các nước Đông Nam Á, như: công nghệ sản xuất gỗ ép; công nghệ chế biến chè xanh, chè đen của Đài Loan; Công nghệ nghiền bột đá vôi của Thái Lan. Đây là những công nghệ đã lạc hậu so với thế giới nhưng trong điều kiện kinh tế của tỉnh, nó vẫn có ý nghĩa quan trọng góp phần tăng năng lực công nghệ trong sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm thế mạnh của vùng về nông, lâm, khoáng sản.

2.2.2 Cơ cấu dòng vốn FDI vào tỉnh Yên Bái

2.2.2.1 Cơ cấu vốn đầu tư theo hình thức đầu tư

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Yên Bái có 15 dự án có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động trong các lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản, nông lâm nghiệp, du lịch với tổng vốn đăng ký đầu tư trên 42,1 triệu USD, cụ thể :

05 dự án đầu tư thực hiện theo hình thức đầu tư 100% vốn đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư 18,252 triệu USD;

09 dự án được thực hiện theo hình thức liên doanh với tổng vốn đăng ký đầu tư đạt 18,473 triệu USD;

01 dự án đầu tư thực hiện theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh với tổng vốn đầu tư đạt trên 5,379 triệu USD.

2.3.2.2 Cơ cấu đầu tư theo đối tác

Đối tác đầu tư nước ngoài tại tỉnh Yên Bái chủ yếu là Trung Quốc, Đài Loan... đều là lãnh thổ, quốc gia đến từ Đông Á và là đối tác quen thuộc của Việt Nam. Trong đó:

Trung Quốc: 04 dự án với vốn đăng ký 11,82 triệu USD

Ấn Độ: 04 dự án với tổng vốn đăng ký 13,22 triệu USD là đối tác đầu tư lớn nhất của Yên Bái với tỷ trọng về số dự án và vốn đăng ký do Yên.

Tuy nhiên, trong khi Singapore là đối hàng đầu của Việt Nam thì hiện nay vẫn chưa có dự án đầu tư vào tỉnh Yên Bái.

2.3.2.3 Cơ cấu vốn đầu tư theo ngành nghề, lĩnh vực đầu tư.

Hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Yên Bái thời gian qua chủ yếu là đầu tư hai lĩnh vực, đó là: khai thác và chế biến tài nguyên; chế biến các sản phẩm nông - lâm sản, lĩnh vực sản xuất sản phẩm hương liệu nông sản thực phẩm với công nghệ cao, dự án Du lịch... Tuy các dự án FDI vào tỉnh Yên Bái đã có thêm các ngành nghề mới nhưng cho đến nay Yên Bái chưa có các dự án đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất sản phẩm công nghiệp, dịch vụ với công nghệ cao, công nghệ thông tin, chế tạo lắp ráp thiết bị linh kiện điện tử...

Kết quả phân chia các dự án FDI theo lĩnh vực đầu tư như sau:

Lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản: 11 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư đạt 33,350 triệu USD, chiếm tỷ trọng 79,3% tổng vốn FDI toàn tỉnh.

Lĩnh vực nông lâm nghiệp: 03 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư đạt 5,553 triệu USD, chiếm tỷ trọng 12,8% tổng vốn FDI toàn tỉnh.

Lĩnh vực du lịch: 01 dự án với tổng vốn đăng ký đạt 3,2 triệu USD, chiếm tỷ trọng 0,7% tổng vốn FDI toàn tỉnh.

Lĩnh vực khác: 01 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 724,3 nghìn USD.

2.3.2.4 Cơ cấu vốn đầu tư theo địa bàn

Nhìn chung, các dự án FDI có quy mô lớn đầu tư tập trung phần nhiều huyện Trấn Yên chiếm 27%, Lục Yên 36%, Yên Bình 13% trong tổng số vốn đăng ký, nơi có nhiều tài nguyên khoáng sản như đá, chế biến chè và điều kiện hạ tầng cơ sở thuận lợi, nguồn lao động tương đối dồi dào và có trình độ kỹ năng. Còn TP Yên Bái, TX Nghĩa Lộ, huyện Mù Cang Chải thậm chí không có dự án nào. Vào khu công nghiệp mới có 1 dự án cho dù tỉnh ưu đãi có chính sách khá ưu đãi vào khu công nghiệp như vẫn không thu hút được nhiều dự án.

❖ Tình hình triển khai dự án và vốn thực hiện của các dự án FDI tại Yên Bái

Tình hình triển khai dự án: Trong 15 dự án FDI sau khi được cấp giấy chứng nhận đầu tư còn hiệu lực của tỉnh Yên Bái: Đến 12/2010 có thêm 04 dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Nâng tổng số dự án đi vào hoạt động: 13 dự án.

Dự án đang đền bù giải phóng mặt bằng: 01 Công ty liên doanh khoáng sản Alliance Hùng Đại Dương

Dự án triển khai chậm: 01 công ty TNHH Lộc Phát vướng mắc trong khâu giải phóng mặt bằng.

Qua tình hình triển khai thực hiện của các doanh nghiệp FDI cơ bản đã đảm bảo đúng pháp luật, sản xuất ổn định, có đóng góp quan trọng vào việc thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn. Hầu hết các doanh nghiệp triển khai dự án đã

đảm bảo mức vốn đăng ký, vốn đầu tư chủ yếu do doanh nghiệp tự có, hệ số sử dụng đất cao, thu hút được nhiều lao động và đảm bảo mức thu nhập cho lao động.

Về vốn thực hiện dự án: Tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện trên địa bàn tỉnh Yên Bái trong thời kỳ 1996 - 2005, đạt 110.411,1 triệu đồng, trong đó:

Giai đoạn 1996 - 2000 đạt 84.515,6 triệu đồng.

Giai đoạn 2001 - 2005 đạt 25.895,5 triệu đồng bằng 12,9% mục tiêu quy hoạch năm 2000.

Giai đoạn 2006-2010 đạt 244.330 triệu đồng.

Kết quả sản xuất kinh doanh: Nhìn chung, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh tiếp tục được duy trì và ổn định.

2.3.3. Kết quả và nguyên nhân tồn tại của việc triển khai thực hiện thu hút FDI

2.3.3.1 Những kết quả đạt được

Mặc dù số lượng còn ít, quy mô còn nhỏ nhưng các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đã góp phần bổ sung một phân ngân sách cho đầu tư phát triển của tỉnh trong những năm qua. Riêng năm 2010, nguồn vốn đầu tư nước ngoài chiếm khoảng 16% tổng nguồn vốn đầu tư phát triển trên địa bàn. Về đầu tư nước ngoài, tổng vốn đầu tư thực hiện trong giai đoạn 1996 - 2010 đạt 354.740 triệu đồng. Tổng doanh thu đạt 419,08 tỷ đồng, thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước đạt trên 29,2 tỷ đồng, ngoài ra các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng đã tạo công ăn việc làm trực tiếp cho trên 600 lao động tại địa phương và hàng trăm lao động gián tiếp. Một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã trang bị cho nền kinh tế tỉnh những thiết bị, máy móc, công nghệ, dây chuyền sản xuất tiên tiến và hiện đại, góp phần tạo ra nhiều sản phẩm mới, chất lượng cao. Góp phần nâng cao năng lực quản lý, trình độ tay nghề, tạo thêm việc làm và thu nhập cho người lao động trên địa bàn tỉnh. Hoạt động của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng tạo nên sức cạnh tranh đáng kể cho các doanh nghiệp trong tỉnh, giúp các doanh nghiệp trong tỉnh tự điều chỉnh, bổ sung, nâng cao hiệu quả quản lý kinh doanh, đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ thiết bị, nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu.

2.3.3.2 Hạn chế và nguyên nhân

Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến FDI thu hút vào tỉnh Yên Bái chưa nhiều tuy nhiên nhưng hạn chế này tập trung ở nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan

2.4 Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến phát triển kinh tế xã hội tỉnh Yên Bái

Sau khi nghiên cứu thực trạng thu hút FDI tại Yên Bái giai đoạn 2001-2010 trên góc độ quản lý nhà nước, tác giả thấy được những tác động tích cực và tiêu cực của FDI vào Yên Bái trên ba góc độ kinh tế, xã hội và môi trường của tỉnh Yên Bái. Từ những nguyên nhân tồn tại và hạn chế cũng như tác động của FDI đối với kinh tế, xã hội môi trường của tỉnh, tác giả đó đề ra các giải pháp nhằm khắc phục tình trạng trên và nâng cao khả năng thu hút FDI vào tỉnh miền núi như Yên Bái.

Chương 3

GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO TỈNH YÊN BÁI

3.1 Triển vọng thu hút FDI của tỉnh Yên Bái

Tình hình thế giới: Trong khoảng 5 - 10 năm tới, xu hướng chung của thế giới vẫn là hoà bình, ổn định và hợp tác để phát triển

Tình hình trong nước: Việt Nam được thế giới đánh giá có sự ổn định cao về chính trị và xã hội. Đó là nền tảng vững chắc, là nhân tố thuận lợi lớn nhất cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và cũng là thế mạnh cần khai thác của nước ta hiện nay.

Triển vọng tỉnh Yên Bái: Trong tương lai, tỉnh Yên Bái sẽ nằm trên tuyến hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng. Đây là một trong những tuyến kinh tế chủ lực trong quan hệ giữa Trung Quốc và Việt Nam, có vai trò hết sức quan trọng trong việc nâng tầm quan hệ hợp tác kinh tế giữa hai nước lên một bước mới. Việt Nam và Trung Quốc là hai nước có truyền thống quan hệ hợp tác hữu nghị lâu đời, có nhiều đặc điểm tương đồng về lịch sử, văn hoá và phong tục tập quán.

3.2 Mục tiêu và định hướng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của tỉnh Yên Bái

3.2.1 Mục tiêu đến năm 2020.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Yên Bái lần thứ XVI đã xác định “huy động mọi nguồn lực, xây dựng nền kinh tế của tỉnh phát triển toàn diện, có tốc độ tăng trưởng cao hơn, bền vững hơn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá”. Do đó cần nâng cao hiệu quả của kinh tế đối ngoại, đẩy nhanh xuất khẩu, thu hút vốn đầu tư và công nghệ từ bên ngoài, phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế bình

quân thời kỳ 2011 - 2015 đạt 15%. Vì vậy, nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới của tỉnh phải có bước chuyển biến mạnh mẽ trong hoạt động xúc tiến đầu tư, nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài, khai thác tiềm năng thế mạnh của tỉnh góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Tỉnh Yên Bái đã xác định: Nhu cầu vốn đầu tư trong 10 năm 2011 - 2020 khoảng 28.250 tỷ đồng, thời kỳ 2011 - 2015 là 10.750 tỷ đồng, thời kỳ 2016 - 2020 là 17.500 tỷ đồng. Trong đó tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thực hiện tại tỉnh Yên Bái dự kiến trong thời kỳ 2011 - 2020 phân đầu đạt 500 tỷ đồng.

3.2.2 Những lĩnh vực ưu tiên phát triển.

Với mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, tạo sự chuyển biến về chất lượng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, cũng như để tiếp tục khai thác những tiềm năng thế mạnh của tỉnh Yên Bái, trong những năm tới, tỉnh Yên Bái tập trung kêu gọi đầu tư vào một số nhóm dự án như:

Dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp, vật liệu xây dựng.

Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp.

Dự án thuộc lĩnh vực du lịch - dịch vụ.

Dự án thuộc lĩnh vực sản xuất, chế biến nông lâm nghiệp.

3.2.3 Định hướng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Yên Bái.

Tiếp tục tăng khả năng cạnh tranh trong quá trình hội nhập và trao đổi ngoại thương, tạo môi trường hấp dẫn và ổn định để thu hút vốn đầu tư nước ngoài, chuẩn bị đầy đủ các cơ sở cần thiết để thực hiện đầy đủ các cam kết song phương và đa phương. Thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách thu hút vốn, công nghệ và các nguồn lực từ bên ngoài với nhiều hình thức đầu tư đa dạng, tăng khả năng đầu tư trong nền kinh tế để đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Dự kiến đến năm 2020, vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 1.310 tỷ đồng.

3.2.3.1 Về địa bàn đầu tư.

Những địa bàn khuyến khích đầu tư là những huyện xã có cơ sở vật chất còn nghèo, kinh tế kém phát triển, đời sống người dân còn nhiều khó khăn như huyện Mù Cang Chải, 70 xã đặc biệt khó khăn. Các khu công nghiệp (KCN). Đối với các huyện có nhiều dự án FDI tỉnh khuyến khích những dự án có quy mô lớn, công nghệ hiện đại

3.2.3.2 Về hình thức đầu tư.

Tỉnh quan tâm thu hút đến tất cả các hình thức đầu tư 100% vốn nước ngoài, liên doanh, hợp đồng hợp tác... Bên cạnh đó tỉnh cũng chú trọng đến thu hút FDI với hình thức BOT, BTO hay các hình thức khác

3.2.3.3 Về dự án kêu gọi đầu tư.

Có 50 dự án kêu gọi vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài với tổng vốn 5,315 tỷ đồng cho 5 lĩnh vực cụ thể:

Công nghiệp vật liệu xây dựng:	500 tỷ đồng
Hạ tầng khu công nghiệp:	1.750 tỷ đồng
Thương mại dịch vụ- du lịch:	1.790 tỷ đồng
Giáo dục - y tế:	408 tỷ đồng
Sản xuất, chế biến nông lâm nghiệp:	316 tỷ đồng
Các dự án khác:	546 tỷ đồng

3.2.3.4 Đối tác đầu tư:

Bên cạnh việc tiếp xúc những đối tác lớn và chủ yếu của Yên Bái như Trung Quốc, Đài Loan. Bên cạnh đó, tỉnh có chủ trương vận động các nhà đầu tư tiềm năng khác Nhật Bản, Hàn Quốc, Nga, Anh, Mỹ... Ngoài ra tỉnh còn có đề án kêu gọi các nhà đầu EU nhằm khai thác tiềm năng về vốn, công nghệ và kỹ thuật trong các lĩnh vực công nghệ cao và dịch vụ

3.3 Những giải pháp tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Yên Bái

Để giải quyết triệt để những hạn chế đã chỉ ra trong chương 2 tác giả tập chung vào 7 nhóm giải pháp từ đó nâng cao khả năng thu hút FDI vào tỉnh Yên Bái, cụ thể như:

3.3.1 Nhóm giải pháp về quy hoạch.

3.3.2 Nhóm giải pháp về luật pháp, chính sách, môi trường đầu tư.

3.3.3 Nhóm giải pháp về xúc tiến đầu tư.

3.3.4 Nhóm giải pháp về cải thiện cơ sở hạ tầng.

3.3.5 Nhóm giải pháp về lao động.

3.3.6 Nhóm giải pháp về tăng cường hiệu lực và quản lý của nhà nước

3.3.7 Một số giải pháp khác.

KẾT LUẬN

Trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Yên Bái nói riêng và Việt Nam nói chung, đầu tư nước ngoài là một nguồn vốn có ý nghĩa chiến lược. Những năm gần đây, nguồn vốn FDI đã và đang có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Yên Bái. Các dự án FDI thực sự đã đem lại những chuyển biến tích cực cho nền kinh tế của một tỉnh miền núi như tỉnh Yên Bái. Các doanh nghiệp FDI trên địa bàn đã hoạt động có hiệu quả từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo công ăn việc làm cho người lao động, đóng góp vào ngân sách nhà nước, cũng như đã bước đầu khai thác tiềm năng của tỉnh. Trong thời gian tới, tỉnh Yên Bái xác định nguồn vốn trong nước đóng vai trò chủ đạo nhưng nguồn vốn FDI giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Vì vậy thu hút và triển khai có hiệu quả các dự án FDI là nhiệm vụ hết sức quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Yên Bái những năm sắp tới.

Luận văn đã nghiên cứu và đưa ra những đánh giá về thực trạng thu hút FDI trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2001-2010 trên góc độ quản lý nhà nước, từ đó thấy được những tác động tích cực và tiêu cực trên ba góc độ kinh tế, xã hội và môi trường của tỉnh Yên Bái. Trên cơ sở đó, luận văn đã chỉ ra những mặt làm được, những hạn chế khó khăn, nguyên nhân dẫn đến những tồn tại trong quá trình thu hút FDI và bài học kinh nghiệm thu hút đầu tư có hiệu quả từ các tỉnh bạn, từ đó đề ra các giải pháp đối với tỉnh Yên Bái về thu hút FDI trong thời gian tới.

Tuy nhiên trong bối cảnh suy giảm các các luồng vốn FDI, cuộc cạnh tranh dành nguồn vốn đầu tư giữa các quốc gia diễn ra vô cùng khốc liệt, việc thu hút FDI đang đứng trước khó khăn thách thức lớn. Để giành thắng lợi trong cuộc cạnh tranh này đòi hỏi Việt Nam nói chung và tỉnh Yên Bái nói riêng phải có chính sách, giải pháp phù hợp để tận dụng xu thế FDI vào VN sẽ còn gia tăng trong những năm tiếp theo do vậy tỉnh Yên Bái cần làm tất cả để sẵn sàng chào đón và tận dụng một cách triệt để làn sóng đầu tư này./.